TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 5 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Đoàn Thị Bẩy
Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1447/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc K, sinh ngày 25/02/1985. Số căn cước 096185012788. Địa chỉ: khóm 7, phường T, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí D, sinh ngày 10/12/1986. Số căn cước 096086000338. Địa chỉ: khóm 7, phường T, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành Đ, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Cà Mau. Địa chỉ: Số 34, đường Lý Bôn, phường A, tỉnh Cà Mau. Theo Quyết định số 664/QĐ-NHCS ngày 31/3/2026. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2026, bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Ngọc K trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Chí D kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 22/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay là xã Khánh Bình, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống vợ chồng, nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà và ông D không còn chung sống khoảng 01 năm nay. Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng K sinh ngày 09/6/2016 và Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 26/02/2019. Khi ly hôn, bà K yêu cầu tiếp tục nuôi cả hai người con chung, không yêu cầu ông Diện cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C số tiền vốn 350.000.000đ, đến nay còn nợ 299.600.000đ, theo hợp đồng số 7120638274/2022/HĐTD ngày 19/12/2022. Khi ly hôn bà Trần Ngọc K yêu cầu ông Nguyễn Chí D có nghĩa vụ trả nợ.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, Nguyễn Chí D trình bày:* Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà K trình bày. Nay bà K yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/6/2016 và Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 26/02/2019. Khi ly hôn, ông thống nhất tiếp tục giao con chung bà K yêu cầu tiếp tục nuôi cả hai người con chung, ông D tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C số tiền vốn 350.000.000đ, đến nay còn nợ 299.600.000đ theo hợp đồng số 7120638274/2022/HĐTD ngày 19/12/2022. Khi ly hôn, ông D thống nhất có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

* Tại văn bản số 675/ĐYC-NHCS ngày 31/3/2026, Chi nhánh Ngân hàng C xác định bà K và ông D có nợ tại ngân hàng theo Hợp đồng số 7120638274/2022/HĐTD ngày 19/12/2022, tính đến ngày 23/3/2026 bà K và ông D còn nợ tổng số tiền vốn và lãi là 300.264.866đ. Ngân hàng thống nhất để bà K và ông D tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Trần Ngọc K và ông Nguyễn Chí D kết hôn, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 70/2015 vào ngày 22/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay là xã Khánh Bình, tỉnh Cà Mau. Bà K yêu cầu ly hôn với ông D. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với Ngân hàng C, Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập đại diện đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Ngân hàng C là đúng theo quy định tại Điều 207, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà K xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, cuộc sông hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn, ông D thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà K và ông D đều thống nhất cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn và không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận cho bà K được ly hôn với ông D.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/6/2016 và Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 26/02/2019. Khi ly hôn, ông thống nhất tiếp tục giao con chung bà K yêu cầu tiếp tục nuôi cả hai người con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chung. để đảm bảo cuộc sống của con chung nên ghi nhận sự thỏa thuận này. Ông D và bà K tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C số theo hợp đồng số 7120638274/2022/HĐTD ngày 19/12/2022, nợ tính đến ngày 23/3/2026 tổng số tiền vốn và lãi là 300.264.866đ. Ngân hàng C thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng với ông D và bà K mà không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ trong vụ án này. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà K phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Trần Ngọc K được ly hôn với ông Nguyễn Chí D.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/6/2016 và Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 26/02/2019 cho bà Trần Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Chí D có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, bà Trần Ngọc K phải nộp. Ngày 06/3/2026 bà Trần Ngọc K đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo lai thu số 0002488 của Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND xã Khánh Bình, T.Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

(đã ký)

Phan Thị Thu